

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 485/2025/DS-PT
Ngày: 19-8-2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Ngẫu.

Các Thẩm phán: 1. Ông Lê Hữu Chiên;

2. Ông Nguyễn Văn Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Trần Khánh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thủy Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 196/2025/TLPT-DS ngày 20 tháng 6 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2025/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (nay là Toà án nhân dân Khu vực 10 – Tây Ninh), bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 370/2025/QĐXXPT-DS ngày 10 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm: 1980; địa chỉ cư trú: ấp B, xã Đ, huyện C (nay là xã C), tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960;

Địa chỉ cư trú: khu phố D, phường B, thành phố T (nay là khu phố 14, phường T), tỉnh Tây Ninh. Theo văn bản ủy quyền ngày 23/5/2025. Có mặt.

2. Bà Dương Mỹ H, sinh năm 1965;

Địa chỉ cư trú: khu phố F, phường D, thành phố T (nay là phường T), tỉnh Tây Ninh. Theo Văn bản ủy quyền ngày 09/12/2024. Vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Bích P, sinh năm: 1985;

Địa chỉ đăng ký nhân khẩu thường trú: số nhà A A, khu phố D, phường B, thành phố T (nay là khu phố A, phường T), tỉnh Tây Ninh. Chỗ ở hiện tại: nhà số E, đường L, khu phố A, phường T, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bà P: Ông Phùng Quốc L1, sinh năm: 1980;

Địa chỉ cư trú: số C hẻm A, đường N, khu phố H, phường H, thành phố T (nay phường T), tỉnh Tây Ninh. Theo Văn bản ủy quyền ngày 11/3/2025. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 09/12/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Thị B và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày*

Vào ngày 26/6/2024, bà Võ Thị Hồng L2 (là người quen biết) cho biết bà Lê Thị Bích P cần vay số tiền 600.000.000 đồng để trả nợ đáo hạn Ngân hàng V Chi nhánh T3, bà P hứa làm hồ sơ vay 03 ngày sẽ trả tiền lại cho bà T; đồng thời bà L2 có gởi các hình ảnh và giấy tờ liên quan đến bà P cho bà T, gồm: hình ảnh bà P đang làm hồ sơ vay và hình ảnh bà P mượn đồ gỗ nhà vườn của bà L2 để làm chỗ cho Ngân hàng xuống thẩm định giá; hình ảnh chụp giấy tờ nhà đất mặt tiền đường L, thửa đất số 219, tờ bản đồ số 14 tại khu phố E, phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; bản phô tô Căn cước công dân và giấy phép kinh doanh của bà P, nên bà T mới tin tưởng cho vay tiền. Việc cho bà P vay tiền có làm giấy, bà P có ký tên. Sau 03 ngày hứa Ngân hàng giải ngân thì trả tiền lại cho bà T mà không thấy, bà T và bà L2 có đến nhà bà P nhưng không thấy P và sau đó bà T biết được bà P đã bán nhà. Trên thực tế, bà P đã vay tại Ngân hàng M – Chi nhánh tỉnh T3 và nhận được tiền vay nhưng không trả lại số tiền đã vay 600.000.000 đồng cho bà T kể cả tiền lãi. Nay bà T yêu cầu bà P trả lại số tiền gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi tính theo quy định của pháp luật tính từ ngày 26/6/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Bà P hoàn toàn không biết bà T là ai, bà P không có vay tiền của bà T, bà T chưa bao giờ đưa tiền mặt hoặc chuyển khoản số tiền 600.000.000 đồng cho bà P. Giấy mượn tiền ngày 26/6/2024 là do bà Nguyễn Thị Kim T1 (tự là C) đến nhà bà P quây liên tục, gây áp lực ép buộc bà P phải viết giấy theo ý của bà L2, nhưng

thực tế bà L2 và bà T1 không đưa tiền mặt hay chuyển khoản số tiền 600.000.000 đồng cho bà P; bà L2 nói cho bà P mượn 600.000.000 đồng nhưng lại chuyển khoản cho ông Võ Nhựt C1 để dàn dựng việc cho mượn tiền rồi thu lãi nặng 11 kỳ là 401.000.000 đồng. Bà P không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2025/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định (tóm tắt):

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Lê Thị Bích P.

Buộc bà Lê Thị Bích P có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Bích T số tiền 623.240.000 đồng, trong đó tiền gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi là 23.240.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/5/2025, bà Lê Thị Bích P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Bích T.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn Lê Thị Bích P trình bày ý kiến: giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bị đơn Lê Thị Bích P, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Nguyễn Thị Bích T trình bày ý kiến: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân, tỉnh Tây Ninh trình bày ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với

phiên tòa dân sự phúc thẩm. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Lê Thị Bích P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: sau khi xét xử sơ thẩm, vào ngày 13/5/2025 bị đơn Lê Thị Bích P có đơn kháng cáo; đơn kháng cáo của bị đơn còn trong hạn luật định, nội dung đơn kháng cáo hợp lệ, phù hợp với quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Lê Thị Bích P, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Đại diện hợp pháp của bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn dẫn đến hậu quả bị đơn không được tiếp cận biết được các chứng cứ phía nguyên đơn cung cấp, các biên bản niêm yết không đảm bảo khách quan, ngày tháng lập biên bản bị sửa, Hội đồng xét xử thấy rằng: tại đơn khởi kiện ngày 09/12/2024, nguyên đơn ghi địa chỉ của bị đơn cư trú tại nhà số A hẻm F, đường N, khu phố D, phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, phù hợp với địa chỉ bị đơn ghi trong Giấy mượn tiền ngày 26/6/2024. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành triệu tập bị đơn không được, nên tiến hành niêm yết giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, có sự chứng kiến của chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật. Trong các biên bản niêm yết có sự sửa chữa ngày tháng là vi phạm, tuy nhiên sau đó bị đơn đã đến Tòa án cấp sơ thẩm làm việc cung cấp bản tự khai và cung cấp tài liệu, chứng cứ đồng thời uỷ quyền cho Luật sư làm đại diện tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã đáp ứng yêu cầu của người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là tạm ngừng phiên tòa ngày 22/4/2025 để thu thập thêm chứng cứ theo yêu cầu của bị đơn. Sau đó, Tòa án cấp sơ thẩm mở lại phiên tòa xét xử vụ án vào ngày 29/4/2025, tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của bị đơn không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm ai để tham gia phiên tòa, đồng thời Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm nhận các bản giải trình các file ghi âm mà bị đơn Lê Thị

Bích T2 ghi âm khi gọi điện thoại nói chuyện với bà Nguyễn Thị Kim T1 (Chúc) do người đại diện hợp pháp của bị đơn giao nộp để xem xét trong quá trình xét xử. Như vậy, Toà án cấp sơ thẩm trong quá trình tiến hành tố tụng đã luôn đảm bảo cho bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của bị đơn đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Nguyên đơn Nguyễn Thị Bích T khởi kiện yêu cầu bị đơn Lê Thị Bích P trả số tiền vay gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Bà P trình bày bà không quen biết và không có vay mượn tiền của bà T. Sở dĩ bà có ký tên vào Giấy mượn tiền ngày 26/6/2024 mà bà T cung cấp kèm theo đơn khởi kiện là do bà bị bà T1 (tự là C) đến nhà bà quây liên tục, gây áp lực buộc bà ký theo ý của bà T1 và bà Võ Thị Hồng L2. Bà T1 và bà L2 không thừa nhận, bà P không có chứng cứ chứng minh việc bị ép buộc ghi giấy nợ và bà P1 cũng không có tố giác, khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền về việc bị ép buộc ghi giấy nợ. Mặt khác, bà L2 cho rằng, do quen biết bà P là khách hàng thường xuyên của bà, bà T là người thường xuyên cho vay, khi bà P cần vay tiền, bà có giới thiệu cho bà T, sau đó giữa bà P và bà T thỏa thuận vay tiền, số tiền vay bao nhiêu thời hạn vay như thế nào thì bà không biết. Bà T1 trình bày không liên quan đến việc vay tiền qua lại giữa bà T và bà P. Bà P cho rằng có đóng lãi cho bà L2 số tiền 401.000.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc đóng lãi; trong khi đó, bà P cho rằng không nhận được số tiền vay gốc 600.000.000 đồng từ bà L2 nhưng lại đồng ý đóng tiền lãi 401.000.000 đồng là mâu thuẫn.

[2.3] Căn cứ các tài liệu do bà P cung cấp cụ thể là các tin nhắn được bà P in ra từ Zalo của bà P và bà T1 (*bút lục số 39 - 109*), theo nội dung các tin nhắn này chỉ thể hiện các thông tin đàm thoại qua lại giữa bà T1, bà L2 và bà P, không có liên quan đến giao dịch vay mượn tiền vào ngày 26/6/2025 giữa bà P và bà T. Các bản dịch do bà P tự dịch ra từ các cuộc đàm thoại giữa bà P với bà T1 vào các ngày 15/6/2024, 27/6/2024 và ngày 12/7/2024 (*từ bút lục số 174 đến 180*) do người đại diện theo uỷ quyền của bà P giao nộp tại Toà án cấp sơ thẩm cũng chỉ thể hiện lời nói qua lại giữa bà T1 với bà P về việc có vay mượn tiền, liên quan đến việc gọi điện thoại cho bà L2, ... không có bất kỳ nội dung nào liên quan đến việc vay mượn số tiền 600.000.000 đồng ngày 26/6/2024 giữa bà T và bà P.

[2.4] Tại Giấy mượn tiền ngày 26/6/2024 thể hiện: Bà Lê Thị Bích P, mượn tiền của bà Nguyễn Thị Bích T số tiền 600.000.000 đồng kể từ ngày 26/6/2024, mục đích đáo hạn ngân hàng V1, ký tên bên cho mượn ký ghi tên Nguyễn Thị Bích T, bên mượn tiền ký tên Ph, lãn tay ghi Lê Thị Bích P; phía dưới chữ ký, ghi họ tên người cho mượn và người mượn bà Lê Thị Bích P tiếp tục ghi nội dung "*Tôi Lê Thị Bích P 1985...tôi có mượn số tiền 600.000.000 đồng để đi đáo hạn ngân hàng vay*

vốn VIBTN tôi cam kết tiền ra lúc nào tôi trả ngay lúc đó tôi sai tôi chịu trước pháp luật quy định, lặn tay 2 dấu, ký tên Ph tên Lê Thị Bích P", bà P thừa nhận bà có viết và ký tờ giấy mượn tiền ngày 26/6/2024 như trên. Các thông tin trong giấy mượn tiền này không hề có bất kỳ nội dung nào có liên quan đến các bà Võ Thị Hồng L2 và Nguyễn Thị Kim T1 (Chúc).

[2.5] Từ những nhận định trên, có căn cứ xác định vào ngày 26/6/2024 bà Lê Thị Bích P có vay của bà Nguyễn Thị Bích T số tiền 600.000.000 đồng đến nay chưa trả. Toà án cấp sơ thẩm xét xử buộc bà P trả cho bà T số tiền vay gốc 600.000.000 đồng này là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.6] Về yêu cầu tính lãi: tại Giấy mượn tiền ngày 26/6/2024 giữa bà T và bà P chỉ ghi số tiền vay là 600.000.000 đồng, không ghi ngày trả, không ghi lãi suất, có căn cứ xác định đây hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Điều 469 của Bộ luật Dân sự. Toà án cấp sơ thẩm tính tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10%/năm, thời hạn tính từ ngày khởi kiện ngày 09/12/2024 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Từ ngày khởi kiện (ngày 09/12/2024) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/4/2025) là 04 tháng 20 ngày, số tiền lãi là: 600.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 4 tháng 20 ngày = 23.240.000 đồng.

[2.7] Bà P kháng cáo, không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, nên không có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Lê Thị Bích P; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: do kháng cáo không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà P phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí và tiền tạm ứng án phí được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Lê Thị Bích P;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2025/DS-ST ngày 29/4/2025 của Toà án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (nay là Toà án nhân dân Khu vực 10 – Tây Ninh)

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 147 và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích T đối với bà Lê Thị Bích P về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Lê Thị Bích P có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Bích T tổng số tiền gốc và tiền lãi là 623.240.000 (sáu trăm hai mươi ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn) đồng, trong đó tiền gốc là 600.000.000 đồng, tiền lãi là 23.240.000 đồng.

2. Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà P chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng bà P còn phải trả cho bà T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị Bích P phải chịu 28.929.600 (hai mươi tám triệu chín trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm) đồng.

- Bà Nguyễn Thị Bích T không phải chịu, được trả lại số tiền tạm ứng án phí 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng theo Biên lai thu số 0003815 ngày 12/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10 – Tây Ninh).

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: bà Lê Thị Bích P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000081 ngày 19/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10 – Tây Ninh). Bà P đã nộp xong tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng GDKT, TT&THA TAND tỉnh;
- TAND Khu vực 10 - Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 10 – Tây Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 10 - TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Ngẫu